TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phương Trúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng
2. Bà Ngô Hồng Điệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hải Yến - Kiểm sát viên .

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 549/2022/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kim T, sinh năm: 1992;
Địa chỉ: 361, Khu 4, ấp L, xã H, huyện B, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc C, sinh năm: 1990;
Địa chỉ: Số 588 Ấp 1, xã Long Định, huyện C, tỉnh Long An.
(Chị T, anh C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/8/2022 và tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/12/2022, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T trình bày: chị và anh Cường cưới nhau vào năm 2022 có đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2022 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Long An. Sau khi cưới, đời sống hôn nhân không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải vã. Vợ chồng ly thân từ tháng

8/2022 đến nay. Nay, xét thấy tình cảm không còn nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc C.

Về nuôi con chung: vợ chồng không có con chung.

Về chia tài sản: tại đơn khởi kiện ngày 29/8/2022, chị T yêu cầu chia số vàng cưới của vợ chồng gồm: 01 cặp nhẫn cưới hơn 01 chỉ vàng 18K trị giá 4.000.000 đồng, 01 đôi bông cưới 01 chỉ vàng 24K trị giá 5.500.000 đồng, 01 dây chuyền 06 chỉ vàng 24K trị giá 33.000.000 đồng, 01 miếng vàng miếng 01 chỉ vàng 24K trị giá 5.500.000 đồng, 02 chiếc vòng kiểu vàng 18K trị giá 10.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 57.500.000 đồng. Toàn bộ số vàng trên do anh C đang giữ nên chị yêu cầu anh C chia ½ giá trị tài sản cho chị là 29.000.000 đồng. Ngày 05/12/2022, chị T có Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2022, bị đơn anh Trần Quốc C trình bày: Anh và chị T cưới nhau vào ngày 22/4/2022, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2022 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà vợ ở Long Hiệp, Bến Lức nhưng hôn nhân không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề và ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về chia tài sản: anh thừa nhận khi cưới chị T anh có mua số vàng cưới đúng như chị T trình bày nhưng không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của chị T vì cho rằng toàn bộ số vàng cưới này là tài sản riêng của anh.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Anh C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị T và anh C đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung, nợ chung: chị T và anh C xác định không có nên không xét.

Về chia tài sản: Tại Đơn khởi kiện ngày 29/8/2022, chị T yêu cầu chia ½ tài sản chung của vợ chồng là 29.000.000 đồng. Ngày 05/12/2022, chị T có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc C là quan hệ tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn, căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Chị Phạm Thị Kim T và anh Trần Quốc C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T và anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị Kim T và anh Trần Quốc C cưới nhau vào năm 2022 và đăng ký kết hôn vào 24/5/2022 tại UBND xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T và anh C trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề nên dẫn đến mâu thuẫn, cả hai đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh C theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: vợ chồng không có con chung nên không xét.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của chị T.

[2.4] Về nợ chung: Chị T và anh C trình bày nợ chung không có nên không xét.

[2.5] Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn lại cho chị T tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn do chị T tự nguyện rút lại yêu cầu này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim T về việc ly hôn đối với anh Trần Quốc C.

Về hôn nhân: chị Phạm Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Quốc C.

Về chia tài sản: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị Phạm Thị Kim T.

Về án phí: chị Phạm Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 000889 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Hoàn lại cho chị Phạm Thị Kim T 725.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000888 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương Trúc